

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU ĐỨC  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/DSST  
Ngày 28/6/2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Anh

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Ngọc Phi

2. Ông Trần Văn Hoa

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trịnh Quang Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:*  
Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 376/2024/TLST - DS ngày 27/12/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST - DS ngày 10/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST - DS ngày 30/5/2024 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoài P, sinh năm 1983; Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ C, thôn P, xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ H, thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*[1]. Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hoài P, bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Vào khoảng giữa tháng 06/2020 vợ chồng ông P bà T có thuê ông Đỗ Văn T1 làm nhà cho mình. Qua thời gian làm việc, thấy ông T1 siêng năng, nhiệt tình, bản thân có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ngày 10/07/2020, vợ chồng ông P có

cho ông T1 vay 20.000.000 đồng đồng (Hai mươi triệu đồng) về lo tiền học cho con gái ở thành Phố (do ông nói). Ông T1 hẹn trong vòng 06 tháng sẽ hoàn trả lại số tiền trên. Khi đến hạn thì không thấy trả nên phía ông P có tìm đến nhà mấy lần, nhưng lần nào ông T1 cũng hẹn và trốn tránh trả nợ. Ông T1 đã vi phạm cam kết trả tiền, nên vợ chồng ông P khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông T1 phải hoàn trả lại số tiền 20.000.000 đồng đã vay và không yêu cầu phải tính lãi.

**[2]. Đối với bị đơn ông Đỗ Văn T1:**

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải công khai chứng cứ và yêu cầu phía bị đơn cung cấp ý kiến, chứng cứ; tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T1 đều vắng mặt.

Tòa án tiến hành xác minh, ngày 28/5/2023 Công an xã B xác định ông Đỗ Văn T1 có hộ khẩu và hiện sinh sống tại địa chỉ tổ H, thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện ông T1 có mặt tại địa phương.

**[3]. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:**

Về tố tụng: Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48; Thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 35, 39; Tư cách người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 70, 71, 72; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Tuy nhiên, vụ án còn vi phạm thời hạn giải quyết theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa; Đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ngày 10/7/2020 nguyên đơn ông P bà T có lập giấy cho mượn tiền, nội dung ông Đỗ Văn T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay 06 (Sáu) tháng, không thỏa thuận lãi suất. Quá thời hạn trả nợ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn T1 phải hoàn trả số tiền vay, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ vào lời khai và các chứng cứ khác, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T1 phải hoàn trả cho ông P bà T số tiền 20.000.000 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

**Về tố tụng:** Căn cứ vào yêu cầu của đương sự, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì điều kiện bất khả kháng, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

**Về nội dung:**

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Hoài P, bà Nguyễn Thị T yêu cầu bị đơn ông Đỗ Văn T1 trả lại số tiền vay là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi, thì thấy: Căn cứ vào chứng cứ là “Giấy cho mượn tiền lập ngày 10/7/2020” có chữ ký và ghi tên người mượn là ông Đỗ Văn T1, về nội dung thỏa thuận trong giấy mượn tiền ghi số tiền vay mượn là 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày vay, không thỏa thuận lãi suất. Ông P bà T khai nhận đến thời hạn trả nợ ông P đã yêu cầu ông T1 thanh toán trả lại nhưng ông T1 không thực hiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh thì ông T1 hiện vẫn cư trú tại địa phương; tiến hành giao nhận tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T1 không đến làm việc và giao nộp chứng cứ xác định việc vay và trả tiền cho phía ông P. Nên có căn cứ xác định ông T1 có vay mượn của vợ chồng ông P số tiền 20.000.000 đồng. Từ thời điểm vay đến thời điểm phải trả nợ cũng như đến khi ông P khởi kiện thì không có chứng nào thể hiện ông T1 đã thanh toán số tiền vay trên. Đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và không có lãi, ông P bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 hoàn trả tiền vay là có căn cứ. Vì vậy, cần buộc ông T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho phía nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng. Về yêu cầu tính lãi do nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí: Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 466; 468; Điều 470 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoài P, bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Đỗ Văn T1.

2. Buộc ông Đỗ Văn T1 phải hoàn trả cho ông Nguyễn Hoài P, bà Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

3. Về án phí:

- Ông Đỗ Văn T1 phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoài P, bà Nguyễn Thị T 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001721 ngày 27/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người vắng mặt thì thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.)

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**



